

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ M  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2020/ HNGĐ- ST  
Ngày: 09/10/2020  
V/v: "**Ly hôn**"

**NHÂN DANH**  
**NƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Tuấn Trọng**

Hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Xuân Hùng**

**Bà Vũ Thị Diệu Thúy**

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Oanh**- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: **Bà Đặng Hiền Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/6/2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST - HNGĐ ngày 22/9/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

\* Bị đơn: **Anh Nguyễn Bá C** sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- **Cháu Nguyễn Thị Thủy T** sinh năm 1997 (vắng mặt)

- **Cháu Nguyễn Trang N** sinh năm 1999 (Vắng mặt)

- **Cháu Nguyễn Bá U** sinh năm 2005 (Vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật của cháu U: **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1975 (có mặt)

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị M tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh C kết hôn tự nguyện được UBND xã N ( nay là UBND phường N cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1996. Vợ chồng sống cùng nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, anh C thường xuyên đánh đập chị. Kể từ tháng 12/2019 cho đến nay chị và anh C sống ly thân nhau không còn quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay chị xác định chị và anh C

không thể về chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Thị Thủy T sinh năm 1997, cháu Nguyễn Trang N sinh năm 1999, cháu Nguyễn Bá Ư sinh năm 2005. Hiện nay cháu T và N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ư chưa thành niên nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Ước, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung tuy nhiên chị và anh C sẽ tự thỏa thuận giải quyết nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ , ruộng nông nghiệp: Chị và anh C không nợ ai, không cho ai vay nợ; anh chị không liên quan gì với nhau về ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu T và cháu N (là con của chị M, anh C) đều xác định các cháu đã thành niên và không có công sức đóng góp gì với anh Cu, chị M; các cháu không cho anh C, chị M vay nợ cũng như anh C, chị M không cho các cháu vay nợ nên các cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ư đề nghị ở với mẹ là chị M, cháu Ư xác định cháu còn nhỏ không có công sức đóng góp gì với bố mẹ nên cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các cháu Tiên, Nhung, Ư đều xác định trong quá trình anh C, chị M sống cùng nhau có nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, anh C thường xuyên đánh đập chị M. Kể từ tháng 12/2019 cho đến nay anh C chị M sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh C, các cháu đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M và anh C được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần tuy nhiên anh C không đến Tòa án làm việc, ngoài ra Tòa án còn về chỗ ở của anh C để lấy lời khai nhưng đều không gặp, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh C.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; anh C mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

#### **Tại phiên toà hôm nay:**

Chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu T, cháu N và cháu Ư. Cháu T và cháu N đều đã thành niên nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ư hiện chưa thành niên nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Ước, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Chị xác định hiện nay chị đang làm nghề lao động tự do (buôn bán tại chợ Bao Bì, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào), thu nhập hàng tháng của chị là 8.000.000 đồng/tháng. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh C. Các con của chị M, anh C là cháu T và cháu N đều đã thành niên nên không phải giải quyết. Giao cháu U cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về tố tụng:** Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Nguyễn Bá C là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn là anh C. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**2. Về nội dung:** Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu T, cháu N, cháu U cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên, nên có đủ căn cứ xác định chị Miên, anh C đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã N (Nay là UBND phường N) năm 1996 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và việc chị M khởi kiện ly hôn đối với anh C sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh C đến Tòa án để lấy lời khai cũng như hòa giải nhưng anh C không đến nên việc hòa giải giữa vợ chồng anh chị không tiến hành được. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị M xác định quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, anh C thường xuyên đánh đập chị. Tại biên bản lấy lời khai của các con anh Chiếu, chị M là cháu T, cháu N và cháu U đều xác định: anh C, chị M thường xuyên xô xát đánh cãi chửi nhau, anh C thường xuyên đánh đập chị M; hiện nay anh C, chị M sống ly thân và không còn sống cùng nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tất cả những tình tiết này đã phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị, tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Tòa án sẽ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Miên; giải quyết cho chị M được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị M xác nhận vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Nguyễn Thị Thủy T sinh năm 1997, cháu Nguyễn Trang N sinh năm 1999, cháu Nguyễn Bá Ư sinh năm 2005. Hiện nay cháu T và cháu N đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ư chưa thành niên nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Ước, chị tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị M thì thấy hiện nay anh C thường xuyên vắng nhà, cháu Ư hiện đang sống cùng chị M, chị M hiện làm lao động tự do có thu nhập, cháu Ư có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị M do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Ư cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị M tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu của chị M là hợp pháp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa án làm việc; chị M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Cháu T, cháu N đều xác định hiện đã thành niên, cháu Ư còn nhỏ và không liên quan gì đến kinh tế của anh C, chị M cũng như không có quan hệ vay nợ, công sức với anh chị nên các cháu đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Bá C.

**Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Bá Ư, sinh năm 2005 cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Ư thành niên.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Miên.

Anh C có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Chị M, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

**Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp:** Không phải giải quyết.

**Án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004230 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị M đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

**Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã M;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Dương sự;
- UBND phường N;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Hoàng Tuấn Trọng***

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN XUÂN HÙNG      VŨ THỊ DIỆU THÚY



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN XUÂN HÙNG      TRỊNH VĂN KHAY



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ THÌN TRỊNH VĂN KHAY